

attention (n)

/əˈtenʃn/

sự chú ý



average (n)

/ˈævərɪdʒ/

mức trung bình



bamboo (n)

/ˌbæmˈbʊ:/

cây tre, cây trúc



bamboo flute (n)

/ˌbæmˈbʊ: flu:t/

sáo trúc



band (n)

/bænd/

ban nhạc, nhóm



blender (n)

/ˈblendə(r)/

máy xay